TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 182/2024/DS-ST Ngày 03-5-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lệ

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 485/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐHPT-DSST ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Đình C, sinh năm 1986; Cư trú tại: Số 9.17, Chung cư H, phường B, thành phố T, Thành phố M.

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Vũ Năng H, sinh năm 1998; Địa chỉ liên lạc: Số 10, Lô A, Khu phần mền Q, phường C, Quận E, Thành phố M.

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1999; Cư trú tại: Số 10, Lô B, Khu phần mền Q, phường T, Quận E, Thành phố M; (có mặt).

(Giấy ủy quyền số công chứng 26859 ngày 27/12/2022 tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1963; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số 113/2 (số mới 4/8) đường L, phường U, thành phố T, Thành phố M; Địa chỉ tạm trú: Số 661 đường P, Phường N, quận G, Thành phố M; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Hoàng N có vay của Ông Cao Đình C số tiền 2.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 19/4/2021 với nội dung bên A (Ông Cao Đình C) đồng ý cho bên B (Ông Lê Hoàng N) mượn số tiền 2.500.000.000 đồng; thời điểm thanh toán số tiền trên chậm nhất là ngày 26/4/2021.

Thực hiện theo thỏa thuận, ngày 19/4/2021, Ông Cao Đình C đã chuyển khoản đầy đủ số tiền 2.500.000.000 đồng vào tài khoản số 9494467 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Ông Lê Hoàng N. Ông Lê Hoàng N đã nhận đủ số tiền 2.500.000.000 đồng nêu trên nhưng đến ngày 26/4/2021, ông Ngọc không thanh toán đầy đủ số tiền 2.500.000.000 đồng như thỏa thuận. Tính đến nay ông Ngọc mới thanh toán cho Ông Cao Đình C số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng vào ngày 18/5/2021 và ngày 22/3/2022. Như vậy, Ông Lê Hoàng N còn nợ Ông Cao Đình C số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, căn cứ vào Khoản 1, Khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả. Do Ông Lê Hoàng N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho Ông Cao Đình C nên Ông Lê Hoàng N phải trả tiền lãi cho Ông Cao Đình C với mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Yêu cầu Ông Lê Hoàng N phải trả cho Ông Cao Đình C số tiền nợ tạm tính đến ngày 01/12/2022 là 2.204.520.548 đồng (bao gồm 1.900.000.000 đồng tiền nợ gốc và 304.520.548 đồng tiền nợ lãi).

- Ông Lê Hoàng N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi từ ngày 02/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diên nguyên đơn yêu cầu Ông Lê Hoàng N phải trả cho nguyên đơn số tiền bao gồm gốc, lãi chậm trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến làm việc tại Toà án nhân dân quận Gò Vấp nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Ông Lê Hoàng N phải thanh toán cho Ông Cao Đình C số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 26/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/5/2024) là 1.104 ngày với số tiền lãi chậm trả là 574.684.932 đồng. Tổng cộng Ông Lê Hoàng N phải trả cho Ông Cao Đình C số tiền 2.474.684.932 (hai tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi hai) đồng làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đại diện nguyên đơn cho rằng đây là khoản vay của cá nhân Ông Lê Hoàng N. Vì vậy, nguyên đơn chỉ yêu cầu Ông Lê Hoàng N phải trả cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ông Cao Đình C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Lê Hoàng N phải trả tiền vay nên đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo xác nhận của Công an Phường N, quận G, Thành phố M thể hiện nội dung *"nhân khẩu Lê Hoàng N, sinh năm 1963 đăng ký tạm trú tại số Số 661 đường P, Phường N, quận G, Thành phố M từ ngày 13 tháng 5 năm 2021 và kết thúc ngày 13 tháng 5 năm 2023. Thời gian nhân khẩu Lê Hoàng N không còn cư ngụ tại địa chỉ trên và đi đâu không rõ thời gian nào."* Như vậy, Ông Lê Hoàng N có nơi cư trú cuối cùng là số Số 661 đường P, Phường N, quận G, Thành phố M. Vì vậy, theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa vào ngày 11 tháng 4 năm 2024 và ngày 03 tháng 5 năm 2024, đồng thời đã đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (trên Báo Công Lý các số 15-16; 17; 18 và trên Đài Tiếng Nói Việt Nam 03 ngày 29, 30 và 31/01/2024) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành phiên toà theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả, phát sinh từ quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ông Cao Đình C và bị đơn Ông Lê Hoàng N vào ngày 19 tháng 4 năm 2021, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn nộp trong hồ sơ vụ án là sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (kỳ sao

ngày 19/4/2021) và Sao kê tài khoản vào ngày 19/4/2021 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong; Giấy cho mượn tiền ngày 19/4/2021 và các chứng cứ do Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thu thập từ Ngân hàng TMCP Á Châu là Văn bản ngày 20/12/2023 đính kèm Bảng kê giao dịch ngày 19/4/2021 vào Tài khoản 9494467 tại Ngân hàng TMCP Á Châu và Danh sách tài khoản đối ứng các giao dịch trong ngày 19/4/2021 tài khoản 9494467 – Lê Hoàng N. Có đủ cơ sở xác định giữa Ông Cao Đình C và Lê Hoàng N có xác lập giao dịch vay tài sản đó là Hợp đồng vay có kỳ hạn không có lãi theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào sổ phụ kiêm phiếu báo nợ, báo có ngày 18/5/2021 và ngày 22/3/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thể hiện Ông Lê Hoàng N đã chuyển khoản cho Ông Cao Đình C số tiền 600.000.000 đồng, hiện nay Ông Lê Hoàng N còn nợ Ông Cao Đình C số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tiền lãi chậm trả: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 26/4/2021 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 10%/năm, xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tiền lãi chậm thanh toán được tính như sau: 1.900.000.000 đồng x 10%/năm x từ ngày 26/4/2021 đến ngày 03/5/2024 (1.104 ngày): 365 là 574.684932 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.474.684.932 (hai tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi hai) đồng.

Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử nhận thấy đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận thanh toán của các bên nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 466 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn Lê Hoàng Ngọc phải trả lại cho nguyên đơn Ông Cao Đình C số tiền 2.474.684.932 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vì yêu cầu của nguyên đơn Ông Cao Đình C được chấp nhận nên bị đơn Ông Lê Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 81.493.699 (tám mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí là 38.144.110 (ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm mười) đồng cho nguyên đơn Ông Cao Đình C theo biên lai thu số AA/2022/0007853 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ông Cao Đình C: Buộc Ông Lê Hoàng N phải trả cho Ông Cao Đình C số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 (một tỷ, chín trăm triệu) đồng và nợ lãi chậm trả là 574.684.932 (năm trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi hai) đồng, tổng cộng là 2.474.684.932 (hai tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi hai) đồng, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vì yêu cầu của nguyên đơn Ông Cao Đình C được chấp nhận nên bị đơn Ông Lê Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 81.493.699 (tám mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm chín mươi chín) đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí là 38.144.110 (ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm mười) đồng cho nguyên đơn Ông Cao Đình C theo biên lai thu số AA/2022/0007853 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử, bị đơn Ông Lê Hoàng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKS quận Gò Vấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS tp Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng